

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 03/DS-ST

Ngày 02/6/2020.

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quyết Chiến và bà Thân Thị Lua.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp kiện đòi tài sản; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đồng bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh có đăng ký kinh doanh về mua bán thức ăn gia súc gồm thức ăn cho lợn, gà, ngan, vịt, cá tại Thôn Đ, xã D, trong quá trình kinh doanh thì vợ chồng anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị C ở Thôn H, xã S có đến mua thức ăn chăn nuôi gia cầm (chăn nuôi vịt) từ khoảng năm 2017, thời gian đầu, anh và anh N, chị C có thỏa thuận bằng miệng khi đến mua thức ăn gia cầm số lượng ít thì trả tiền ngay, Nhưng đến đầu tháng 3/2019 vợ chồng anh N, chị C lấy với số lượng nhiều thì

hai bên có ký kết hợp đồng mua bán ngày 07/3/2019, khi lập hợp đồng có cả vợ chồng anh N, chị C nhưng do anh N không biết chữ nên chỉ có chị C ký vào hợp đồng. Sau khi ký kết hợp đồng giữa hai bên thực hiện đúng hợp đồng, anh có trách nhiệm vận chuyển thức ăn gia cầm đến nhà anh N chị C, thường lấy số lượng lớn có đợt ít thì 50 bao, nhiều thì 100 bao thức ăn gia cầm thời gian đầu anh N có trả phần nào nhưng chủ yếu là nợ lại và nói khi nào bán vịt thì thanh toán trả anh hết, sau khi biết anh N, chị C bán hết vịt nhưng không trả tiền cho anh như đã hẹn, nên anh đã đến trực tiếp yêu cầu anh N, chị C trả tiền mua thức ăn gia cầm nhiều lần nhưng anh N và chị C không trả. Bởi vậy đến ngày 07/12/2019 anh đã đến trực tiếp gia đình anh N, gặp cả hai vợ chồng, hai bên đã chốt sổ, tổng anh N, chị C còn nợ là 80.925.000đ và hai bên có viết giấy xác nhận nợ và giấy xác nhận nợ này chỉ có chị C ký nhận vì anh N không biết chữ, tuy nhiên anh N thừa nhận còn nợ lại số tiền trên, trong giấy nhận nợ anh không hẹn thời điểm trả cũng như thoả thuận lãi xuất. Thực tế trước ngày chốt nợ bằng biên bản anh đã yêu cầu vợ chồng anh N, chị C trả anh nhiều lần, tuy trong giấy xác nhận nợ không hẹn ngày trả xong anh đã yêu cầu anh N, chị C trả ngay.

Kể từ khi Ký kết hợp đồng mua bán cho đến khi chốt nợ ngày 07/12/2019 giữa anh và vợ chồng anh N, chị C không có tranh chấp các mã giao hàng, về chất lượng, số lượng và giá cả thức ăn gia cầm, do vậy anh không yêu cầu toà án xem xét hợp đồng mua bán giữa anh và vợ chồng anh N.

Kể từ khi chốt nợ cho đến khi khởi kiện tại Toà án anh cũng đã rất nhiều lần đến đòi anh N, chị C trả nợ, nhưng cũng không trả anh.

Nay anh đề nghị Toà án buộc vợ chồng anh N, chị C cùng phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền còn nợ là 80.925.000đ (*Tám mươi triệu chín trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn*) theo giấy xác nhận nợ viết ngày 07/12/2019.

Quá trình làm việc tại Toà án anh có yêu cầu anh N, chị C phải trả lãi theo quy định của pháp luật, nhưng nay anh không yêu cầu trả lãi nữa, việc rút yêu cầu trả lãi là do anh hoàn toàn tự nguyện.

Về lãi xuất do chậm thi hành án đề nghị Tòa án giải quyết theo luật.

Ngoài ra anh Phan Văn T không trình bày gì thêm.

Tại các biên bản lấy lời khai anh Hoàng Văn N trình bày: Vào năm 2018, 2019 vợ chồng anh, chị chăn nuôi ngan, vịt. Khi chăn nuôi anh, chị có mua thức ăn chăn nuôi gia cầm của anh Phan Văn T sinh năm 1975 ở Thôn Đ, xã D, huyện Yên Dũng, khi mua thức ăn chăn nuôi anh, chị lấy làm nhiều lần cùng 1 loại cám, mỗi lần lấy thường thì trả 1 nửa, nợ 1 nửa đợt sau lấy sẽ trả hết. Do thời điểm chăn nuôi bị trượt giá nên vợ chồng anh chưa có tiền để trả, mặc dù anh T đã đòi nhiều lần. Đến tháng 12/2019 vợ chồng anh và anh T đã chốt sổ thanh toán với nhau và anh xác định vợ chồng còn nợ tổng số tiền cám thức ăn gia cầm là 80.925.000đ và hai bên có viết giấy xác nhận nợ số tiền trên và vợ anh (chị C) có ký, viết để anh T giữ. Trong quá trình mua bán hai bên không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, sau khi chốt nợ thì anh T cũng đã đòi vợ chồng anh nhiều lần nhưng do chưa có tiền trả

nên vợ chồng anh khát nợ khi nào có thì trả đầy đủ nhưng anh T không chấp nhận và anh không chấp nhận trả tiền lãi, Anh thừa nhận vợ chồng anh còn nợ anh T tiền mua thức ăn gia cầm là 80.925.000đ. Nay do vợ chồng anh gặp khó khăn không có để trả ngay và đề nghị anh T tạo điều kiện khi nào có sẽ trả đầy đủ.

Phía chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án cũng như Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú làm việc nhưng chị C không hợp tác nên không thể tiến hành ghi lời khai của chị C được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc công khai trực tiếp bằng lời nói theo Điều 51, 225 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 280, 288 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, 35, 39, Điều 147, khoản 1 điều 184, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả phải trả nguyên đơn 80.925.000 đồng, cụ thể anh N, chị C mỗi người 40.462.500đồng.

Án phí: Vụ kiện xảy ra là do lỗi của bị đơn, do vậy anh N, chị C phải liên đới chịu 4.046.250 đồng án phí theo quy định của pháp luật. cụ thể anh N, chị C mỗi người chịu 2.023.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cũng như triệu tập chị Nguyễn Thị C đến tòa án làm việc, xong chị C không đến tòa án làm việc, tuy nhiên phía anh N chồng chị C xác nhận chị C có biết việc anh T khởi kiện vợ chồng anh. Do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục chung. Ngày 05/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao trực tiếp cho vợ chồng anh N. Ngày 21/5/2020 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng phía vợ chồng anh N, chị C vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, và giao trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa cho vợ chồng anh

N nhưng vợ chồng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đơn khởi kiện của anh Phan Văn T yêu cầu anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị C (gọi tắt là vợ chồng anh N) phải trả số tiền còn nợ là 80.925.000 đồng, cả hai bên đều cư trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:* Anh T kinh doanh mua bán thức ăn gia súc, gia cầm rồi bán cho người có nhu cầu sử dụng. Ngày 07/3/2019, giữa anh T và vợ chồng anh N có xác lập 01 Hợp đồng mua bán hàng hoá, theo đó: anh T bán cho vợ chồng anh N thức ăn chăn nuôi gia cầm của công ty ABC Việt Nam; Anh T có trách nhiệm giao hàng tận nơi. Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá thành, trên thực tế vợ chồng anh N lấy số lượng ít thì trả tiền ngay, nếu số lượng nhiều thì nợ lại. Ngày 07/12/2019, hai bên chốt nợ (thể hiện trong giấy xác nhận nợ ngày 07/12/2019), Giấy xác nhận nợ này anh N không ký, điểm chỉ mà do mình chị Nguyễn Thị C vợ anh N ký. Sau khi chốt nợ, vợ chồng anh N không trả cho anh T thêm lần nào nữa.

Trong vụ án này thể hiện anh T bán hàng còn vợ chồng anh N trả tiền hàng thông qua hợp đồng mua bán hàng hoá. Tuy nhiên giữa anh T và vợ chồng anh N không có tranh chấp gì về hợp đồng mua bán hàng hoá mà hai bên đã ký kết mà các bên chỉ tranh chấp về giấy xác nhận nợ ngày 07/12/2019, như vậy việc mua bán giữa vợ chồng anh T và vợ chồng anh N là Hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có yêu cầu biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Trong giấy xác nhận nợ ngày 07/12/2019 không hề thời điểm trả. Vì thế, thời điểm để tính thời hiệu khởi kiện trong vụ án này là ngày khởi kiện tại toà án 27/02/2020. Do vậy vợ chồng anh T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng vào ngày 27/02/2020 là trong thời hiệu nên việc thụ lý vụ án của Tòa án là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] *Về nội dung:* Ngày 07/3/2019, giữa anh T và vợ chồng anh N có xác lập 01 Hợp đồng mua bán Hàng hoá, theo đó: Anh T bán cho vợ chồng anh N thức ăn chăn nuôi gia cầm trị giá khi chốt nợ ngày 07/12/2019 là 80.925.000 đồng, vợ chồng anh N nhận hàng và trả tiền anh T.

Căn cứ vào lời khai của anh T và anh N thì các bên đều thừa nhận: Sau khi giao, nhận hàng thì hai bên không có tranh chấp gì số lượng, chất lượng, chủng loại và giá thành và vợ chồng anh N đã thanh toán trả anh T nhiều lần, tính đến thời điểm chốt nợ 07/12/2019 vợ chồng anh N còn nợ anh T với tổng số tiền là 80.925.000 đồng, Tuy trong giấy xác nhận nợ ngày 07/12/2019 chỉ có chữ ký của chị C vợ anh N, nhưng tại các biên bản lấy lời khai của anh N thì anh N xác nhận do không biết chữ

nên anh không viết, ký vào biên bản xác nhận nợ ngày 07/12/2019 nhưng xác nhận giữa anh T và vợ chồng anh đã chốt nợ và xác nhận nợ theo biên bản xác nhận nợ ngày 07/12/2019 mà vợ anh đã ký. Vì vậy, có căn cứ xác nhận số tiền hàng mà vợ chồng anh N chưa thanh toán cho anh T là 80.925.000đ (*Tám mươi triệu chín trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn*).

Đến thời điểm khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, giữa anh T và vợ chồng anh N không có tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hoá, số lượng, chất lượng, chủng loại, giá thành của hàng hóa (tài sản) mà chỉ tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền còn lại là 80.925.000đồng (anh T yêu cầu vợ chồng anh N trả nợ).

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá cũng như phần hợp đồng đã thực hiện xong mà chỉ xem xét về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 80.925.000đ của vợ chồng anh N đối với anh T. Do vậy anh T yêu cầu vợ chồng anh N thực hiện nghĩa vụ trả anh số tiền còn nợ là có căn cứ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể nên chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (vợ anh Phan Văn T) là người có quyền lợi trong vụ án, tuy nhiên chị H xác nhận chị không tham gia vào việc buôn bán nên chị không biết. Việc buôn bán do chồng chị chủ động kinh doanh nên chị từ chối tham gia tố tụng. Do vậy không cần thiết đưa chị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Xét yêu cầu khởi kiện của anh T thì thấy:*

- Có việc anh T bán và giao thức ăn chăn nuôi gia cầm trị giá chốt ngày 07/12/2019 là 80.925.000đồng.

- Vợ chồng anh N thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi gia cầm của anh T với số tiền là 80.925.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn T đối với bị đơn anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị C. Buộc anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho anh Phan Văn T số tiền 80.925.000đ (*Tám mươi triệu chín trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn*)

Anh Phan Văn T không yêu cầu đòi tiền lãi, việc rút yêu cầu là do anh T hoàn toàn tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[6] *Về án phí:* Vụ kiện xảy ra là hoàn toàn do lỗi của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 429, Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 điều 184, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.
2. Buộc Buộc anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho anh Phan Văn T số tiền 80.925.000đ (*Tám mươi triệu chín trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị C phải chịu 4.046.250đ đồng án phí DSST. Anh Phan Văn T không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả anh Phan Văn T số tiền 2.023.125đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0004123 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP;

**T /M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Tân Thịnh

